

Bản án số: 283/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 6 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Thanh Tuấn.
- Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 412/2026/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 096084017543, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp Ông B, xã Khánh B, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Hồng N, sinh năm 1977; Căn cước công dân số 096177013867, cấp ngày 07/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Địa chỉ: Ấp Ông B, xã Khánh B, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh B, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Khánh B, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, anh L và chị N thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2024, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo anh L trình bày là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện anh và chị N sống ly thân khoảng hơn một tháng nay, anh cũng không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Riêng chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh L có tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên vắng nhà và lờ mờ

khỏi gia đình gần nhất là ngày 10/4/2026 cho đến nay không trở về gia đình, hiện chị vẫn còn tình cảm với anh L nên yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ, không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh L.

Về con chung, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N khai có một người con là Huỳnh Tuyết Mai, sinh ngày 01/10/2017. Do thời điểm sinh con, anh chị chưa đăng ký kết hôn nên vợ chồng thống nhất cho con lấy họ mẹ, hiện con đang đi học và chung sống với chị N nên khi ly hôn, anh L giao con cho chị N nuôi và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đối với chị N cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị đồng ý nhận nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Riêng cháu Mai có nguyện vọng được chung sống với chị N khi anh, chị ly hôn.

Về tài sản chung, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N khai không có.

Đồng thời, anh Trương Văn L (nguyên đơn) đề nghị Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Riêng chị Huỳnh Hồng N (bị đơn), tuy đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh B, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Khánh B, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 03 nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng qua lời trình bày trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng, việc mâu thuẫn là có xảy ra được thể hiện qua việc vợ chồng không còn chung sống với nhau, nguyên đơn cũng không còn tình cảm với bị đơn nên không đồng ý tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bị đơn. Riêng bị đơn có yêu cầu hàn gắn, đoàn tụ nhưng kể từ khi mâu thuẫn xảy ra cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đều đó cho thấy bị đơn chưa thật sự mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong khi nguyên đơn không đồng ý đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quan hệ hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thì mới xây dựng

gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Mặc dù, hôn nhân giữa các đương sự được xác lập trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật song nguyên đơn hiện không còn tình cảm với bị đơn, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng cũng không mang lại hạnh phúc, không đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Do đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung, nguyên đơn tự nguyện giao con cho bị đơn nuôi và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nêu trên giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Trong vụ án này, bị đơn hiện đang cư trú tại ấp Ông B, xã Khánh B, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Nghị định số: 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu thì bị đơn đang cư trú tại vùng IV có mức lương tối thiểu là 4.1400.000 đồng/tháng.

Đối chiếu các quy định nêu trên, buộc nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.070.000 đồng (hai triệu không trăm bảy chục nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Văn L về việc xin ly hôn chị Huỳnh Hồng N.

- Về con chung là Huỳnh Tuyết Mai, sinh ngày 01/10/2017. Hiện con đang chung sống với chị Huỳnh Hồng N nên tiếp tục giao con cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trương Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.070.000 đồng (hai triệu không trăm bảy chục nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/6/2026.

Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, anh Trương Văn L và chị Huỳnh Hồng N khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, anh Trương Văn L phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 10/4/2026, anh L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0004124 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn L phải nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Khánh B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân